

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/DS-PT
Ngày: 26/9/2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tiền.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KONTUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thành Lê.

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Lang.

Ông Trần Năm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh KonTum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh KonTum: Bà Chu Thị Sáu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 10 tháng 8 và ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2017/TLPT-DS ngày 30 tháng 5 năm 2017 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tiền*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 710/2017/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: 511 đường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum (vắng mặt) nhưng có ủy quyền cho chị Lầu Ái V, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn P 2, xã V, thành phố K theo văn bản ủy quyền ngày 30/8/2017 (có mặt).

Bị đơn: Chị Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1977; địa chỉ: 29 đường D, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum (có mặt).

Người làm chứng:

1. Chị Hồ Thị Vân A; địa chỉ: 233/63 đường N, phường A, quận N, thành phố C (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Xuân L; địa chỉ: 511 đường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum (có mặt).

3. Chị Đinh Thị Hằng N; địa chỉ: Hẻm 141 đường V, thành phố K, tỉnh Kon Tum (có mặt).

4. Anh Nguyễn H; địa chỉ: 29 đường D, phường D, thành phố K, tỉnh Kon Tum (có mặt).

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo như án sơ thẩm thì trong đơn khởi kiện ngày 21/02/2017 và bản tự khai, nguyên đơn chị Hồ Thị T yêu cầu Tòa án buộc chị Phạm Thị Ngọc H phải trả 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*).

Chứng cứ là “giấy mượn tiền” đề ngày 21/11/2016 có chữ ký của chị Phạm Thị Ngọc H, hai bên thỏa thuận trong vòng 30 ngày chị H phải trả. Quá hạn hai tháng bị đơn mới trả được 41.400.000 đồng (*Bốn mươi một triệu, bốn trăm nghìn đồng*). Nay chị yêu cầu Tòa án buộc chị H trả hết số tiền là 608.600.000 đồng (*Sáu trăm lẻ tám triệu sáu trăm nghìn đồng*) còn lại.

Chị Phạm Thị Ngọc H thừa nhận có vay tiền của chị Hồ Thị T nhiều lần, nhưng tổng số tiền chỉ là 349.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi chín triệu đồng*). Tài liệu xuất trình là 10 giấy mượn tiền là bản photo. Nguyên đơn thừa nhận nhưng cho rằng số lần và số tiền vay không phải như bị đơn cung cấp cho Tòa. Chị H cho rằng việc chị ký giấy vay tiền ngày 21/11/2016 là do chị T ép buộc. Những người làm chứng anh L, chị A khai không có việc này. Riêng chị N khai chỉ nghe 02 lần chị H nói bị ép buộc ký.

Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DS – ST, ngày 26/04/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xử:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 227; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử một phần vụ án đối với khoản tiền 41.400.000 đồng do nguyên đơn rút một phần đơn khởi kiện.

Áp dụng Điều 280, Điều 357, khoản 1 Điều 466, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị Hồ Thị T đề ngày 21/02/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tiền*”, buộc chị Phạm Thị Ngọc H phải trả cho chị Hồ Thị T số tiền nợ 608.600.000 đồng (*Sáu trăm lẻ tám triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Tuyên bị đơn phải trả lãi phát sinh khi chậm thi hành án; bị đơn phải chịu 28.344.000 đồng (*Hai mươi tám triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm; trả lại 7.500.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Tuyên quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/5/2017, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, bị đơn chị Phạm Thị Ngọc H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; nguyên đơn chị Hồ Thị T không rút đơn khởi kiện. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum có ý kiến: Thẩm phán và HĐXX, các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn kháng cáo đúng thời hạn, đúng chủ thể, đúng thủ tục. Về quan điểm giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cho rằng bị ép buộc viết giấy ngày 21/11/2016 nhưng không chứng minh được. Do vậy cấp sơ thẩm căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn xuất trình để buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 608.600.000 đồng là có cơ sở. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự xử y án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về tố tụng: Trên cơ sở “giấy mượn tiền” vào ngày 21/11/2016 đã thể hiện việc bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền là 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*), nhưng đến hạn trả nợ, bị đơn lại không trả xin được trả dần, sau đó các bên có tranh chấp về số lượng tiền vay. Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật này là tranh chấp hợp đồng vay tiền và đã áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết là chính xác.

Về nội dung kháng cáo:

[1] Bị đơn cho rằng nguyên đơn chưa cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*) đang tranh chấp. Về nội dung này, Hội đồng xét xử thấy rằng các bên đương sự thừa nhận trong quá trình vay nợ, chị T có cho chị H vay “nhiều lần”. Chị T thừa nhận ngoài số tiền thể hiện trong 10 giấy mượn tiền mà chị H xuất trình bản photo cho Tòa án thì, về số lần vay và số tiền vay này không chỉ như chị H trình bày, mà số tiền 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*) là một khoản vay do chót lại, được viết giấy ngày 21/11/2016 trong đó có số tiền như chị H trình bày, nhưng sau khi kết thúc đã xé giấy đi nên chị H không có bản gốc. Rõ ràng, số tiền 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*) là một khoản được giao dịch giữa các đương sự vì chị H thừa nhận chữ ký, chữ viết là của mình trong giấy này và chỉ có hai bên giao dịch với nhau. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chị H phải hoàn trả số tiền ghi trên giấy mượn tiền ngày 21/11/2016 là đã xuất trình đủ tài liệu, chứng cứ cần thiết cho yêu cầu khởi kiện.

[2] Về nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án thu thập bổ sung đầy đủ chứng cứ có liên quan đến vụ án. Đây là nghĩa vụ của đương sự. Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm chị H có thừa nhận đã ký xác nhận nợ chị T 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi triệu đồng*) là do bị ép buộc, cấp sơ thẩm đã đưa người làm chứng và triệu tập anh Nguyễn Văn L, chị Hồ Thị Vân A, chị Đinh Thị Tuyết N tham gia phiên tòa sơ thẩm. Riêng chị Hồ Thị Vân A xin vắng mặt, nhưng đã có lời khai, tại phiên tòa phúc thẩm đã công bố lời khai này, thấy phù hợp với lời khai của anh L người cùng đi trên xe ô tô với chị A, chị T, chị H từ huyện K về nhà chị H ở thành phố K là không có sự ép buộc ký. Chị Đinh Thị Hằng N khai chỉ “Nghe 02 lần bà H nói bị ép ký”. Hơn nữa, kể từ ngày chị H ký “giấy mượn tiền” đến khi chị T khởi kiện tại Tòa án ngày 21/02/2017 là tròn 03 tháng. Bị đơn cũng không trình báo cơ quan chức năng về việc này. Ở cấp sơ thẩm những người tham gia tố tụng đã được thực hiện quyền tranh tụng, thể hiện chị H ký vào giấy mượn tiền ngày 21/11/2016 không có sự ép buộc từ phía chị T.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử yêu cầu chị H cung cấp trích lục tin nhắn trong điện thoại như đơn chị kháng cáo. Tuy nhiên, chị chỉ cung cấp được cho Tòa 03 bản in có nội dung tin nhắn mà không chứng minh được tin nhắn đó được gửi đến từ số điện thoại của chị Hồ Thị T. Đến ngày 22/8/2017, chị H có cung cấp thêm cho Tòa 03 bản in tin nhắn đến từ số điện thoại 0961708569 nhưng lại không cung cấp được danh mục tin nhắn đi và đến do tổng đài cung cấp. Chị H có yêu cầu nên ngày 28/8/2017 Tòa án tỉnh Kon Tum đã đề nghị Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel cung cấp, kết quả: “Trên hệ thống không còn lưu các tin nhắn đi và đến giữa các thuê bao 0961708569 và 0905316733 vào tháng 01/2017”. Do đó, không có căn cứ để chứng minh có sự trao đổi tin nhắn giữa chồng chị H với chị T. Hơn nữa, nội dung tin nhắn không thể hiện được số tiền gốc mà chị H đã vay của chị T là bao nhiêu, chỉ thể hiện “H mượn e khoảng 350 mà e bắt h ghi giấy lên 650 e đã tính lãi rồi, lãi nặng luôn đó”. Xét nội dung tin nhắn, các số “350”, “650” là tiền hay chỉ đối tượng gì?. Nếu là tiền thì đó là “350”, “650” đồng Việt Nam hay là nghìn đồng, là triệu đồng đều không rõ ràng. Mặt khác, cụm từ “H mượn” và “Bắt h” thể hiện điều gì trong tin nhắn này đều không liên quan đến việc chị H cho rằng mình chỉ mượn 349.000.000 đồng của chị T mà chứng cứ là 07 giấy mượn tiền (bút lục từ số 01 đến 07). Nhưng số tiền của các lần vay này lại là 323.000.000 đồng như chị H chốt lại với Tòa tại văn bản ngày 18/9/2017. Về lời khai thừa nhận nợ, chị khai mâu thuẫn, khi thì nợ chị T 384.000.000 đồng theo bút lục 48 chị khai, cán bộ cơ quan công an ghi; lúc lại nhận nợ 348.000.000 đồng theo đơn chị tố cáo chị T và bản tự khai tại bút lục 26. Riêng bút lục 33 phần chị H khai nợ 348.000.000 đồng, phần dưới lại là 349.000.000 đồng. Vậy thực tế, chị

H nợ chị T bao nhiêu đều không rõ, có mâu thuẫn trong khi chị T yêu cầu đòi nợ chị H có chứng cứ rõ ràng số tiền 650.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu rút một phần nội dung đơn khởi kiện về khoản tiền 41.400.000 đồng (*Bốn mươi một triệu bốn trăm nghìn đồng*) chỉ còn yêu cầu bị đơn phải trả 608.600.000 đồng (*Sáu trăm lẻ tám triệu sáu trăm nghìn đồng*), nên án sơ thẩm đình chỉ giải quyết một phần vụ án là đúng pháp luật.

Vì vậy, nội dung đơn kháng cáo của chị Phạm Thị Ngọc H không có cơ sở chấp nhận, buộc chị Phạm Thị Ngọc H phải trả cho chị Hồ Thị T số nợ gốc là 608.600.000 đồng (*Sáu trăm lẻ tám triệu sáu trăm nghìn đồng*).

[4] Về án phí: Theo quy định của pháp luật, chị Phạm Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Chị Hồ Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn - chị Phạm Thị Ngọc H đối với bản án dân sự số 05/2017/DS-ST ngày 26/04/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Áp dụng các Điều 280, Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

Xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 05/2017/DS – ST ngày 26/04/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Buộc chị Phạm Thị Ngọc H phải trả cho chị Hồ Thị T số tiền nợ gốc 608.600.000 đồng (*Sáu trăm lẻ tám triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Hồ Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, mà chị H chậm trả số tiền nói trên, thì phải trả lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 6; khoản 1, 6 Điều 19, khoản 2 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 và danh mục án phí, lệ

phí Tòa án ban hành kèm theo, buộc chị Phạm Thị Ngọc H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 28.344.000 (*Hai mươi tám triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng*) và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008237 ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum, chị H nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại cho chị Hồ Thị T 7.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008056, ngày 24/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (**26/9/2017**).

Nơi nhận:

- TAND TP. Kon Tum;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS TP. Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thành Lê

